

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN C
TỈNH TRÀ VINH**

Bản án số: 46/2022/HS-ST
Ngày: 21-7-2022

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thảo.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Thạch Thanh Long.

Ông Phan Quốc Phong.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Nhung – Thẩm tra viên của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Mộng Cầm – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số : 39/2022/TLST-HS ngày 01 tháng 7 năm 2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 107/2022/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với:

- Bị cáo: Lữ Thị Minh Th, sinh ngày: 10-8-1967, tại: tỉnh Trà Vinh; nơi cư trú: khóm a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh; nghề nghiệp: Buôn bán (Làm bánh bông lan); trình độ văn hóa: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Phật; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lữ Văn N (Bệnh chết khoảng năm 1990) và bà Lê Thị Nhn (Bệnh chết khoảng năm 1988); có chồng là Lê Văn T1, sinh năm 1969 (Bệnh chết năm 2009) và có 02 người con, lớn nhất sinh năm 1985, nhỏ nhất sinh năm 1986; anh, em ruột có 05 người, lớn nhất sinh năm 1964, nhỏ nhất sinh năm 1978; tiền án, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ từ ngày 16-3-2022 đến ngày 25-3-2022 chuyển tạm giam cho đến nay (*Bị cáo có mặt tại phiên tòa*).

- Bị hại: Bà Trần Ngọc Ng, sinh năm: 1976; Nơi cư trú: ấp PH1, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Chị Lê Thị Anh T, sinh năm: 2002; Nơi cư trú: ấp SV, xã PT, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

2/ Ông Lâm Văn H1, sinh năm: 1964; Nơi cư trú: ấp LT, xã HH, huyện C, tỉnh Trà Vinh (*Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt*).

3/ Ông Lê Văn Thái H2, sinh năm: 1986; Nơi cư trú: khóm 5, thị trấn Càng Long, huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh (Cố mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng tháng 01 năm 2022, bị cáo Lữ Thị Minh Th có giao dịch mua, bán bánh bông lan với người phụ nữ tên U (không rõ họ và địa chỉ cụ thể) là tiểu thương tại chợ đầu mối BĐ, thành phố Hồ Chí Minh số lượng 2.500 bánh bông lan với số tiền 2.500.000 đồng. Hình thức giao dịch qua điện thoại và gửi hàng, nhận tiền từ xe khách TH. Khi nhận tiền, bị cáo Th kiểm tra có 05 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng.

Khoảng hai đến ba ngày sau khi nhận được tiền, bị cáo Th điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1 - 666.47 nhãn hiệu Janus màu đen của ông Lâm Văn H1 đến tiệm bách hóa CL tại ấp BC, xã NH, huyện Ch, tỉnh Trà Vinh để mua hàng hóa. Tại đây, bị cáo lấy ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đưa cho người bán hàng là chị Lê Thị Anh T thì chị T không đồng ý nhận và nói tiền này không sài được, nên bị cáo điều khiển xe ra về. Khi về đến nhà, bị cáo kiểm tra phát hiện có 03 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (trong số 05 tờ tiền có được từ việc bán bánh bông lan) có màu sắc khác với các tờ tiền còn lại, bị cáo nhận thức được tiền này là tiền giả, nhưng không giao nộp cho cơ quan Nhà nước hoặc Ngân hàng, Kho bạc và cũng không nói cho ai biết, mà vẫn cất giữ để sử dụng vì hoàn cảnh bị cáo gặp nhiều khó khăn, tiền này do công sức lao động của bị cáo bỏ ra mới có được.

Đến ngày 16-3-2022, bị cáo Th một mình điều khiển xe mô tô mang biển kiểm soát 84L1 - 666.47 ông Lâm Văn H1 đến tiệm tạp hóa của bà Trần Ngọc Ng, ở ấp PH1, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh mua 01 chai dầu ăn loại 01 lít với giá 57.000 đồng, bị cáo lấy ra 01 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng (trong số 03 tờ tiền giả bị cáo có được) đưa cho bà Ng để trả tiền mua hàng, thì bà Ng không đồng ý nhận và nói tiền này không sài được, bị cáo tiếp tục lấy trong ví ra 02 tờ tiền còn lại đưa cho bà Ng nhưng bà Ng vẫn không đồng ý nhận nên bị cáo ra về. Sau đó, bà Ng trình báo sự việc đến Công an xã BP. Nhận được tin báo, Công an xã BP tiến hành kiểm tra, phát hiện bị cáo Th có hành vi tàng trữ, lưu hành tiền giả, nên lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Tại hiện trường, Công an xã BP đã thu giữ: Tiền Việt Nam 17.600.000 đồng (Trong đó có 04 tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng, 38 tờ tiền mệnh giá 200.000 đồng, 47 tờ tiền mệnh giá 100.000 đồng, 66 tờ tiền mệnh giá 50.000 đồng); 01 điện thoại di động màu xanh, màn hình cảm ứng, hiệu Samsung Galaxy A03, số IMEI 1: 350538283937873, số IMEI 2: 359923673937876; 01 xe mô tô nhãn hiệu Janus màu đen mang biển kiểm soát 84L1 - 666.47; 01 chai dầu thực vật nhãn hiệu CL2, thể tích 01 lít; 01 hộp sữa nhãn hiệu S, khối lượng 01 kg.

Quá trình điều tra, thu giữ của bị cáo Th: 01 áo khoác màu đen; 01 quần màu đen; 01 cái ví màu đen hình chữ nhật.

Quá trình khám xét, thu giữ của ông Lê Văn Thái H2: 10 tờ tiền Việt Nam trị giá 500.000 đồng.

Ngày 16-3-2022, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Trà Vinh trưng cầu giám định 165 tờ tiền polymer Việt Nam đồng, trong đó: 14 tờ mệnh giá 500.000 đồng, 38 tờ mệnh giá 200.000 đồng, 47 tờ mệnh giá 100.000 đồng, 66 tờ mệnh giá 50.000 đồng. Tại kết luận giám định số 163/KL-KTHS ngày 21-3-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh kết luận có *“03 (ba) tờ tiền Việt Nam đồng loại polymer mệnh giá 500.000 đồng có các số seri: JK 20367049 (02 tờ), EQ 18921330 là tiền giả, bằng phương pháp in màu”*.

Quá trình điều tra chứng minh các đồ vật, tài sản sau đây không liên quan đến hành vi phạm tội cũng như tội phạm khác, nên Cơ quan An ninh điều tra trả lại:

- Ngày 21-3-2022, trả cho ông Lê Văn Thái H2: 10 tờ tiền Việt Nam trị giá 500.000 đồng thu được trong quá trình khám xét.

- Ngày 22-4-2022, trả cho ông Lâm Văn H1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Janus màu đen mang biển kiểm soát 84L1 - 666.47.

- Các ngày 10, 25 và 31-5-2022, lần lượt trả cho bị cáo Th (Bị cáo ủy quyền cho con ruột là ông Lê Văn Thái H2 nhận tài sản) gồm: Tiền Việt Nam 16.100.000 đồng; 01 điện thoại di động màu xanh, màn hình cảm ứng, hiệu Samsung Galaxy A03, số IMEI 1: 350538283937873, số IMEI 2: 359923673937876; 01 chai dầu thực vật nhãn hiệu CL2, thể tích 01 lít; 01 hộp sữa nhãn hiệu S, khối lượng 01 kg; 01 áo khoác màu đen; 01 quần màu đen; 01 cái ví màu đen hình chữ nhật.

Còn tạm giữ lưu vào hồ sơ vụ án: 03 tờ tiền Việt Nam đồng loại polymer, mệnh giá 500.000 đồng có các số seri: JK 20367049 (02 tờ), EQ 18921330 là tiền giả.

Tại Cơ quan điều tra, bị cáo Th đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Đối với người phụ nữ tên U, bị cáo Th trình bày không rõ họ tên, địa chỉ nên Cơ quan An ninh điều tra chưa xác minh làm việc được, sẽ tiến hành xử lý sau.

Đối với hành vi của ông Lâm Văn H1 giao xe mô tô biển số 84L1 - 666.47 cho bị cáo Thu sử dụng, quá trình điều tra làm rõ không cấu thành tội phạm.

Tại Bản cáo trạng số 40/CT-VKS-HS ngày 01-7-2022 Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Lữ Thị Minh Th về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Th có mặt đã khai nhận hành vi phạm tội đúng như đã nêu trong Bản cáo trạng. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lê Văn Thái H2 có mặt; Đối với bị hại bà Trần Ngọc Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Anh T, ông Lâm Văn H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, các đương sự xác định giữ nguyên lời khai có trong hồ sơ vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên quan điểm đã truy tố bị cáo Lữ Thị Minh Th phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”. Sau khi phân tích, đánh giá các chứng cứ của vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo. Về tình tiết tăng nặng: không có; Về tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm

tội; trình độ học vấn thấp, nhận thức pháp luật còn hạn chế; chưa có tiền án, tiền sự; nhân thân tốt; hoàn cảnh gia đình khó khăn; có người thân có công cách mạng. Nên Vị Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự; Xử phạt bị cáo Lữ Thị Minh Th từ 03 năm đến 04 năm tù, thời hạn phạt tù được tính từ ngày 16-3-2022. Đối với vật chứng, Vị đề nghị xử lý tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án 03 tờ tiền Việt Nam đồng loại polymer, mệnh giá 500.000 đồng có các số seri: JK 20367049 (02 tờ), EQ 18921330 là tiền giả. Ngoài ra, Vị đề nghị buộc bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa thống nhất, không ý kiến tranh luận đối đáp.

Lời nói sau cùng của bị cáo Lữ Thị Minh Th trước khi Hội đồng xét xử vào nghị án là bị cáo xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo được sớm về với gia đình, bị cáo cam kết sửa đổi, không vi phạm pháp luật nữa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa hôm nay, bị cáo Lữ Thị Minh Th (thông qua người thân) có nộp bổ sung đơn xin xác nhận nhân thân và bản sao giấy tờ có hai người thân có công cách mạng là Lê Thị S và Trần Văn L; Đối với Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng khác không bổ sung thêm tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Việc xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự. Đối với bị hại bà Trần Ngọc Ng và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Lê Thị Anh T, ông Lâm Văn H1 có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt nhưng đã có lời khai tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Trà Vinh, nên căn cứ vào khoản 1 Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự này theo luật định.

[2] Về hành vi và quyết định tố tụng của Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Trà Vinh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không ai có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Đồng thời thống nhất với Kết luận giám định số 163/KL-KTHS ngày 21-3-2022 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Trà Vinh. Do đó, các hành vi và quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo Lữ Thị Minh Th khai nhận: Vào khoảng tháng 01 năm 2022, tại khóm a, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh, bị cáo nhận được 05 tờ tiền Việt Nam đồng loại polymer mệnh giá 500.000 đồng do một người phụ nữ tên

U (không rõ họ tên, địa chỉ) gửi theo xe khách TH từ thành phố Hồ Chí Minh về thị trấn C để trả tiền mua bánh bông lan cho bị cáo Th, trong này có 03 tờ tiền giả (có các số seri: JK 20367049 (02 tờ) và EQ 18921330). Sau đó, vào ngày 16-3-2022, bị cáo mang 03 tờ tiền giả này đi sử dụng tại ấp PH1, xã BP, huyện C, tỉnh Trà Vinh thì bị phát hiện bắt quả tang. Lời nhận tội của bị cáo là phù hợp với lời khai của bị cáo, bị hại và những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng tại Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Trà Vinh, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và vật chứng đã thu giữ.

[4] Xét thấy Bản cáo trạng số 40/CT-VKS-HS ngày 01-7-2022 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố bị cáo Lữ Thị Minh Th về tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả” theo khoản 1 Điều 207 Bộ luật Hình sự là phù hợp quy định pháp luật, không oan, không sai.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo Lữ Thị Minh Th là nguy hiểm cho xã hội. Bởi lẽ, đã xâm phạm đến quy định của Nhà nước về quản lý tiền tệ, gây tác hại đến việc lưu thông tiền tệ trên thị trường, gây bất ổn cho nền kinh tế. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Bị cáo nhận thức được ba tờ tiền mệnh giá 500.000 đồng đang cất giữ là tiền giả, việc tàng trữ, lưu hành tiền giả là vi phạm pháp luật, nhưng vì lợi ích của bản thân, bị cáo đã không giao nộp cho cơ quan Nhà nước hoặc Ngân hàng, Kho bạc, cũng không nói cho ai biết, mà vẫn cố ý cất giữ và mang ra sử dụng mua hàng hóa.

[6] Tính chất của vụ án là nghiêm trọng, đã gây tác hại xấu về nhiều mặt cho xã hội, ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an tại địa phương, gây bức xúc trong quần chúng Nhân dân. Hành vi của bị cáo Th thể hiện sự xem thường pháp luật. Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm, Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử bị cáo hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi của bị cáo và tính chất của vụ án, mới đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo; đồng thời để răn đe và phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[7] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Lữ Thị Minh Th, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét: Bị cáo sau khi phạm tội đã thật thà khai báo, ăn năn hối cải; Bị cáo có trình độ học vấn thấp, nên nhận thức pháp luật có hạn chế; Chưa có tiền án, tiền sự; Hoàn cảnh gia đình bị cáo có khó khăn; Bị cáo có di ruột là Lê Thị S được Nhà nước truy tặng danh hiệu Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng, bà S có con ruột là Liệt sĩ Trần Văn L. Đây là những căn cứ để áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

[8] Về vật chứng của vụ án: Đối với 03 tờ tiền Việt Nam đồng loại polymer, mệnh giá 500.000 đồng có các số seri: JK 20367049 (02 tờ), EQ 18921330 là tiền giả, nên cần tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí sơ thẩm: Buộc bị cáo Lữ Thị Minh Th phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Đối với người phụ nữ tên Ut, là người gửi trả tiền mua bánh bông lan cho bị cáo Th bằng tiền giả. Nhưng bị cáo Th xác định chỉ biết tên gọi, ngoài ra

không rõ họ tên và địa chỉ cư trú của người phụ nữ này, Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh chưa xác minh làm việc được, nên sẽ xử lý sau.

[11] Đối với ông Lâm Văn H1 là chủ sở hữu xe mô tô nhãn hiệu Janus màu đen biển kiểm soát 84L1 - 666.47, do là bạn bè quen biết, nên ông đã cho bị cáo Th mượn xe đi giao bánh và làm phương tiện đi lại. Nhưng việc bị cáo Th sử dụng xe này làm phương tiện phạm tội thì ông hoàn toàn không biết. Nên hành vi của ông H1 không cấu thành tội phạm.

[12] Từ những nhận định trên, quan điểm đề nghị của Vị Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp luật định, được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Lữ Thị Minh Th phạm tội “Tàng trữ, lưu hành tiền giả”.

- Căn cứ vào các Điều 45, 260, 268, 269, 299 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 207, điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 38 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Lữ Thị Minh Th 04 (Bốn) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày bị bắt tạm giữ là ngày 16-3-2022.

2. Về vật chứng: Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

Tịch thu lưu vào hồ sơ vụ án: 03 (Ba) tờ tiền Việt Nam đồng loại polymer, mệnh giá 500.000 đồng, có các số seri: JK 20367049 [02 (Hai) tờ] và số EQ 18921330 [01 (Một) tờ] là tiền giả.

3. Về án phí: Căn cứ vào các Điều 135, 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Buộc bị cáo Lữ Thị Minh Th nộp 200.000 đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai, báo cho bị cáo và người tham gia tố tụng biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Riêng người tham gia tố tụng vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: VT; hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Thảo